

Số: /QĐ-UBND

Tuy Phước, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành
Công trình: Di dời, lắp đặt lại đường ống cấp nước D168 do thi công
công trình: Nâng cấp tuyến đường từ ĐT 640 đi Vinh Quang
Hạng mục: Đoạn từ đầu thôn Vinh Quang 1 đến giáp khu đê Đông

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống biểu mẫu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Quyết định số 8342/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Di dời, lắp đặt lại đường ống cấp nước D168 do thi công công trình: Nâng cấp tuyến đường từ ĐT 640 đi Vinh Quang, Hạng mục: Đoạn từ đầu thôn Vinh Quang 1 đến giáp khu đê Đông;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Nước sạch và Vệ sinh môi trường huyện tại Tờ trình số 136/TTr-BQLNS ngày 14/9/2022 và của Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Tờ trình số 12/TTr-PTCKH ngày 04/01/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành:

+ Tên công trình: Di dời, lắp đặt lại đường ống cấp nước D168 do thi công công trình: Nâng cấp tuyến đường từ ĐT 640 đi Vinh Quang, Hạng mục: Đoạn từ đầu thôn Vinh Quang 1 đến giáp khu đê Đông.

+ Chủ đầu tư: Ban Quản lý Nước sạch và Vệ sinh môi trường huyện;

+ Địa điểm xây dựng: xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước;

+ Nguồn vốn: Vốn ngân sách huyện;

+ Thời gian khởi công - hoàn thành: 11/2021– 07/2022.

Điều 2. Kết quả đầu tư:

1. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư được duyệt	Giá trị quyết toán được duyệt
Tổng số		839.373.000	800.864.000
01	Xây dựng	707.321.000	707.321.000
02	Thiết bị	0	0
03	Quản lý dự án	19.543.000	19.543.000
04	Tư vấn	69.461.000	69.461.000
05	Chi phí khác	18.600.000	4.539.000
06	Dự phòng	24.448.000	0

2. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư của dự án	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán được duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được phê duyệt
1	2	3	4	5	6=4-5	7=5-4
	Tổng số	839.373.000	800.864.000	796.325.000	4.539.000	-
1	Vốn đầu tư công	839.373.000	800.864.000	796.325.000	4.539.000	-
1.1	Vốn ngân sách nhà nước	839.373.000	800.864.000	796.325.000	4.539.000	-
-	Vốn ngân sách trung ương					
-	Vốn ngân sách địa phương	839.373.000	800.864.000	796.325.000	4.539.000	-
+	Ngân sách huyện	839.373.000	800.864.000	796.325.000	4.539.000	
+	Ngân sách xã					
1.2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật					
2	Vốn khác	0	0	0	0	0

3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Gía trị thực tế	Gía trị qui đổi	Gía trị thực tế	Gía trị qui đổi
Tổng số	800.864.000			
1. Tài sản dài hạn (TS cố định)	800.864.000			
2. Tài sản ngắn hạn				

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không.

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: Không

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư :

- Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	Tổng số	800.864.000	
1	Vốn đầu tư công	800.864.000	
1.1	Vốn ngân sách nhà nước	800.864.000	
-	Vốn ngân sách trung ương		
-	Vốn ngân sách địa phương	800.864.000	
+	Ngân sách huyện	800.864.000	
+	Ngân sách xã		
1.2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật		
2	Vốn khác		

- Tổng các khoản công nợ tính đến ngày 04/01/2023 là:

+ Tổng nợ phải thu: 0 đồng.

+ Tổng nợ phải trả: 4.539.000 đồng.

Trong đó:

- Phòng Tài chính - KH huyện (thẩm tra QT): 4.539.000 đồng.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản cố định	Tài sản lưu động
1	2	3
Ban Quản lý Nước sạch & Vệ sinh môi trường huyện	800.864.000	

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan: Căn cứ số liệu quyết toán được phê duyệt, các cơ quan đơn vị có liên quan thực hiện các nghiệp vụ cấp phát, thanh toán, hạch toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng dự án hoàn thành theo đúng quy định hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Trưởng phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện, Trưởng ban Ban Quản lý Nước sạch và VSMT huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 ;
- Lưu hồ sơ (3) ;
- Lưu : VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Xuân